

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại thời điểm 31/12/2013 và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu tài chính tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2013: 21.082 VND/USD, 31/12/2012: 20.815 VND/USD;

Đối với các khoản có gốc ngoại tệ, Công ty đồng thời theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết các tài khoản và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

**4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 Các khoản đầu tư tài chính**

*Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con:*

Vốn đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo giá gốc là khoản tiền góp vốn đầu tư thành lập Công ty con.

*Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác:*

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác và được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng tổn thất tài chính cho các khoản đầu tư có vốn góp thực tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tại 31/12/2013, Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Coffee Indochine với số tiền là 307.875.000 VND, khoản đầu tư vào Công ty con Công ty chưa lập dự phòng do Công ty đã có kế hoạch xác định lỗ trong phương án kinh doanh đầu tư vào Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam.

**4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**4.11 Ghi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả tại 31/12/2013 là các chi phí lãi vay và chi phí ước tính cho việc đi dôi. Chi phí lãi vay phải trả được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế trong kỳ. Chi phí đi dôi Công ty ước tính cho việc đi dôi khi thực hiện hợp đồng hợp tác khai thác quỹ đất số 01/HĐ/HNSM-DHD ngày 24/8/2010 ký giữa Công ty cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex và Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hà Nội.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2013 bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/4/2013, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 7.000.000.000 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 1.571.528.020 VND;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 4.283.752.180 VND;
- Chia cổ tức bằng 22% vốn điều lệ.

**4.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lãi bán cổ phiếu và chênh lệch tỷ giá được ghi nhận cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá: phản ánh lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán 31/12/2013.

**4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ bao gồm lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và dự phòng đầu tư tài chính, cụ thể:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế;
- Chênh lệch tỷ giá: phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

**4.15 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành,

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Năm 2013, Cơ quan thuế đã thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012 và kiểm tra hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính Phủ tại

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Công ty, nghĩa vụ thuế phải nộp tăng thêm Công ty đã điều chỉnh vào số liệu của Báo cáo tài chính năm 2013 (xem thêm thuyết minh số 26).

**4.16 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và các công cụ tài chính phái sinh.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.17 Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội tham gia góp vốn thành lập Công ty và là những bên có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam dưới hình thức đầu tư vào Công ty con với tỷ lệ 100% vốn điều lệ. Theo đó, các Công ty này được coi là bên liên quan của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty; những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 29.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	22.743.417	73.915.760
Tiền gửi ngân hàng	13.410.710.815	9.421.893.495
Các khoản tương đương tiền	39.920.416.667	22.350.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>53.353.870.899</u></u>	<u><u>31.845.809.255</u></u>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	-	40.000.000.000
Công ty TNHH TM DV Sản xuất Song Hoàng	1.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><u>1.400.000.000</u></u>	<u><u>40.000.000.000</u></u>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu từ cơ quan BHXH	26.268.868	-
Cho vay	80.000.000	80.000.000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	152.169.794	236.173.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho tiền thu bởi thường của dự án di dời	869.000.000	869.000.000
Phải thu khác (*)	28.920.000.000	576.000
<b>Cộng</b>	<u><u>30.047.438.662</u></u>	<u><u>1.185.749.766</u></u>

(\*): là tiền Công ty chuyển cho Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam để hỗ trợ hoạt động thường xuyên của Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	80.000.000	80.000.000
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000</b>	<b>80.000.000</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.393.333.810	7.402.031.197
Công cụ, dụng cụ	2.918.643	9.680.462
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.390.887.002	7.396.166.296
Thành phẩm	4.203.567.936	4.130.495.494
Hàng hoá	45.822.806	149.951.021
<b>Cộng</b>	<b>17.036.530.197</b>	<b>19.088.324.470</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(435.240.105)	(549.097.044)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>16.601.290.092</b>	<b>18.539.227.426</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	52.000.000	57.000.000
<b>Cộng</b>	<b>52.000.000</b>	<b>57.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT HÀ ĐÔNG HANOSIMEX**  
Số 1 Cầu Am, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIA</b>						
Số dư tại 01/01/2013	14.134.602.624	61.337.731.330	1.349.823.818	97.315.634	4.631.744.906	81.551.218.312
Mua trong năm	-	14.548.519.157	-	-	-	14.548.519.157
Phân loại lại tài sản	-	1.125.458.401	-	41.767.654	330.003.811	1.497.229.866
Số dư tại 31/12/2013	14.134.602.624	74.760.792.086	1.349.823.818	55.547.980	4.301.741.095	94.602.507.603
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2013	10.372.518.298	49.710.153.930	708.082.747	92.598.970	2.916.892.873	63.800.246.818
Khấu hao trong năm	720.164.552	4.268.686.199	224.970.636	4.716.660	113.629.435	5.332.167.482
Phân loại lại tài sản	-	1.089.673.935	-	41.767.654	314.223.244	1.445.664.833
Số dư tại 31/12/2013	11.092.682.850	52.889.166.194	933.053.383	55.547.976	2.716.299.064	67.686.749.467
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2013	3.762.084.326	11.627.577.400	641.741.071	4.716.664	1.714.852.033	17.750.971.494
Số dư tại 31/12/2013	3.041.919.774	21.871.625.892	416.770.435	4	1.585.442.031	26.915.758.136

Trong đó:

31/12/2013 (VND)

Nguyên giá	Giá trị còn lại
52.043.224.145	-
17.865.405.616	15.924.728.321

Tài sản cố định hữu hình bất khấu hao vẫn còn sử dụng

Tài sản cầm cố, thế chấp cho các khoản vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm vị tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2013	42.000.000	42.000.000
Số dư tại 31/12/2013	42.000.000	42.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2013	42.000.000	42.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2013	42.000.000	42.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2013	-	-
Số dư tại 31/12/2013	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng tại 31/12/2013 là 42.000.000 VND.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.610.949.347	3.610.949.347
Tăng	-	-
Kết chuyển giảm khác	3.591.649.347	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	<u>19.300.000</u>	<u>3.610.949.347</u>
(*) Bao gồm:	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lò hơi đốt than	-	1.223.960.000
Khung nhà Zamin	-	2.367.689.347
Phần mềm quản lý Nhuộm	19.300.000	19.300.000
Cộng	<u>19.300.000</u>	<u>3.610.949.347</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 13 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Dầu tư vào công ty con</b>		<b>12.000.000.000</b>		<b>9.100.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam		12.000.000.000		9.100.000.000
<b>Dầu tư dài hạn khác</b>		<b>307.875.000</b>		<b>557.875.000</b>
Công ty Cổ phần Coffee Indochine	30.880	307.875.000	30.880	307.875.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Hanosimex	-	-	25.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan		-		-
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(307.875.000)</b>		<b>(327.393.346)</b>
Công ty Cổ phần Coffee Indochine		(307.875.000)		(307.875.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Hanosimex		-		(19.518.346)
<b>Dầu tư dài hạn thuần</b>		<b>12.000.000.000</b>		<b>9.330.481.654</b>

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn [1]</b>	<b>15.047.992.988</b>	<b>6.802.196.295</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	8.023.830.840	6.802.196.295
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội	7.024.162.148	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả [2]</b>	<b>3.875.794.500</b>	<b>2.766.899.423</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội	125.000.000	365.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	91.080.000	91.080.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	-	1.894.019.423
Công ty Nojima Enterprising Inc	843.300.000	416.300.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội	1.741.414.500	-
Các cá nhân	1.075.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.923.787.488</b>	<b>9.569.095.718</b>

[1]: Các khoản vay Ngân hàng được rút bằng Đô la Mỹ (USD), chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn 3,5%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Mục đích khoản vay để huy động vốn sử dụng vào sản xuất kinh doanh.

[2]: Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh số 19.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.487.228.975	3.882.327.515
Thuế thu nhập cá nhân	8.907.692	-
<b>Cộng</b>	<b>2.496.136.667</b>	<b>3.882.327.515</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi vay phải trả	-	61.701.486
Trích trước chi phí đi dòi (*)	64.186.170.700	64.193.870.700
<b>Cộng</b>	<b>64.186.170.700</b>	<b>64.255.572.186</b>

(\*) là các chi phí ước tính về việc đi dòi Công ty khi thực hiện hợp đồng hợp tác khai thác quỹ đất số 01/HD/HNSM-DHD ngày 24/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt Hà đồng Hanosimex và Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội.

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	65.150.490	86.963.836
Bảo hiểm xã hội	-	7.395.182
Các khoản phải trả, phải nợ khác	84.502.465	85.675.828
<b>Cộng</b>	<b>149.652.955</b>	<b>180.034.846</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>8.463.858.000</b>	<b>2.731.065.000</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội [1]	-	125.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây [2]	191.085.000	282.165.000
Công ty Nojima Enterprising Inc [3]	-	1.248.900.000
Vay cá nhân [4]	-	1.075.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội [5]	8.272.773.000	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.788.038.846</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà nội [5]	-	3.788.038.846
<b>Cộng</b>	<b>8.463.858.000</b>	<b>6.519.103.846</b>

[1]: Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 49.10.821.647165.TD ngày 29/10/2010 và Khế ước nhận nợ số LD1021100023 ngày 29/10/2010 kèm theo

Hạn mức tín dụng : 600.000.000 VND  
 Thời hạn : 48 tháng từ ngày 29/10/2010 đến ngày 29/10/2014  
 Lãi suất : lãi suất thả nổi  
 Bảo đảm tiền vay : phương tiện vận tải của Công ty  
 Lịch trả nợ : được trả nợ làm 48 kỳ hạn, mỗi kỳ hạn 01 tháng, với số gốc vay phải trả mỗi kỳ là 12.500.000 VND  
 Số dư tại 31/12/2013 : 125.000.000 VND  
 Gốc vay phải trả năm 2014 : 125.000.000 VND

[2]: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 13/3/2012

Hạn mức tín dụng : 440.000.000 VND  
 Mục đích vay : Vay VND mua 15.000,00 EUR theo tỷ giá ngày nhận nợ thanh toán L/C nhập khẩu 01 máy kiếm Vamatex Silver DT và 01 máy Jacquard SX 1408/1024 theo hợp đồng kinh tế số 1202000146 ngày 14/2/2012  
 Thời hạn : 60 tháng kể từ ngày giải ngân  
 Lãi suất : lãi suất thả nổi  
 Bảo đảm tiền vay : 01 máy dệt kiếm Vamatex Silver DT và 01 đầu jacquard  
 Lịch trả nợ : Phụ lục số 01 - Lịch trả nợ gốc ngày - Kèm theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 13/3/2013  
 Số dư tại 31/12/2013 : 373.245.000 VND  
 Gốc vay phải trả năm 2014 : 91.080.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**[3]: Hợp đồng số 02/HD-NI/2012 với Công ty Nojima Enterprising Inc**

Số tiền vay	: 100.000,00 USD
Mục đích vay	: Mua 01 máy dệt Vimatex Jacquard điện tử mới
Thời hạn	: 2,5 năm
Lãi suất	: 5%/năm
Lịch trả nợ	: được thanh toán 06 tháng/lần
Số dư tại 31/12/2013	: 40.000,00 USD (tương đương 843.300.000 VND)
Gốc vay phải trả năm 2014	: 40.000,00 USD (tương đương 843.300.000 VND)

**[4]: khoản vay cá nhân theo công văn số Công văn số 02/2008 ngày 25/11/2008 về việc Huy động vốn vay trung hạn từ cán bộ công nhân viên của Công ty CP Dệt Hà Đông**

Số tiền vay	: 1.075.000.000 VND
Mục đích vay	: Đầu tư 14 - '6 máy dệt khăn bông HPYUNG
Thời điểm bắt đầu cho vay	: Tháng 01/2009
Thời hạn	: 5 năm
Lãi suất	: Theo lãi suất cho vay trung hạn của NH Ngoại thương VN và sẽ điều chỉnh 03 tháng 1 lần khi thị trường lãi suất biến động. Lãi suất tại thời điểm 25/11/2008: 14,8%/ năm. Trong năm 2013, có 02 lần thay đổi lãi suất cho vay: - Kỳ I: Tháng 1, 2, 3: 13,5%/năm - Kỳ I: 9 tháng cuối năm: 12%/ năm
Mức cho vay	: Mức vay tối thiểu 10.000.000 VND/ 1CBCNV
Lịch trả nợ	: Khi đủ thời hạn 5 năm Công ty sẽ bắt đầu trả gốc cho các đối tượng cho vay. Nếu cá nhân nào chưa muốn lấy tiền gốc mà tiếp tục cho Công ty vay vốn thì Công ty sẽ vay tiếp để đầu tư nâng cấp, đổi mới thiết bị hoặc bổ sung vốn lưu động cho những năm sau.
Số dư tại 31/12/2013	: 1.075.000.000 VND
Gốc vay phải trả năm 2014	: 1.075.000.000 VND

**[5]: Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội với hợp đồng số 2087/IVB-HDDH/2013 ngày 9/9/2012**

Số tiền vay	: 475.000,00 USD
Mục đích vay	: tài trợ nhu cầu vốn lưu động và phát hành bảo lãnh của bên vay
Thời hạn	: 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất	: Lãi suất áp dụng cho khoản vay sẽ được xác định vào ngày giải ngân căn cứ vào tình hình thị trường.
Bảo đảm tiền vay	: các máy dệt kiếm của ITEMA loại Sivler DT (dệt vải nổi vòng)
Số dư tại 31/12/2013	: 475.000,00 USD (tương đương 10.014.187.500 VND)
Gốc vay phải trả năm 2014	: 82.600,00 USD (tương đương 1.741.414.500 VND)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CÔ TỨC, PHẦN PHỐI LỢI NHUẬN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01/01	13.000.000.000	13.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	13.000.000.000	13.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.860.000.000	1.950.000.000

**CỔ PHIẾU**

	31/12/2013 Cổ phiếu	01/01/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.300.000	1.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.300.000	1.300.000
Cổ phiếu phổ thông	1.300.000	1.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.300.000	1.300.000
Cổ phiếu phổ thông	1.300.000	1.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHẦN PHỐI**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</b>	<b>22.317.649.394</b>	<b>3.020.181.465</b>
Tăng trong năm	13.401.878.497	22.317.649.395
Lợi nhuận tăng trong năm	11.518.361.720	22.317.649.395
Giá trị thành phẩm tồn kho giảm do xác định lại chi phí sản xuất sản phẩm dở dang cuối kỳ năm 2012 theo biên bản thanh tra thuế	(44.340.723)	-
Chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung phân bổ cho giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ năm 2012 theo biên bản thanh tra thuế	1.927.857.500	-
Giảm trong năm	15.715.280.201	3.020.181.466
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7.000.000.000	453.027.220
Trích Quỹ dự phòng tài chính	1.571.528.020	302.018.146
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.283.752.181	315.136.100
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	2.860.000.000	1.950.000.000
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>20.004.247.690</b>	<b>22.317.649.394</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**21. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>255.461.511.562</b>	<b>248.847.522.532</b>
Doanh thu bán hàng hóa	43.888.717.915	37.001.331.982
Doanh thu bán thành phẩm	208.517.192.782	211.840.853.207
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.055.600.865	5.337.343
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>167.118.566</b>	<b>56.588.619</b>
Chiết khấu thương mại	167.118.566	56.588.619
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>255.294.392.996</b>	<b>248.790.933.913</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.965.712.035	34.208.745.639
Giá vốn của thành phẩm đã bán	182.859.507.058	179.371.040.544
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(113.856.939)	204.998.141
<b>Cộng</b>	<b>225.711.362.154</b>	<b>213.784.784.324</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.171.190.467	5.497.029.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	30.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	685.013.189	98.593.635
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.021.626	341.318
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	85.120.000
<b>Cộng</b>	<b>3.903.225.282</b>	<b>5.711.084.578</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	1.098.267.211	1.342.330.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.230.823	9.975.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.785.668	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(19.518.346)	19.518.346
Chi phí tài chính khác	-	5.576.563
<b>Cộng</b>	<b>1.163.765.356</b>	<b>1.377.400.846</b>

**25. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	18.181.818
Thu tiền bồi thường	-	40.000.000
Thu nhập khác	6.536.678	3.200.000
Thu nhập từ hoạt động đi đời	-	48.100.000.000
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.536.678</b>	<b>48.161.381.818</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	1.932.050
Tiền thuế truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	141.232.305	-
Chi phí của hoạt động đi đời	-	44.793.870.700
Chi phí khác	11.960.000	4.498.295
<b>Chi phí khác</b>	<b>153.192.305</b>	<b>44.800.301.045</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>(146.655.627)</b>	<b>3.361.080.773</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MÀU SỐ B 09 - DN**

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	15.966.467.028	28.029.179.143
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán (2)		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	153.192.305	48.125.493
Lãi chậm nộp tiền thuê đất	-	7.870.320
Nộp phạt vi phạm hành chính thuế	-	4.498.295
Thuế nhà thầu nộp thay ILIIES	-	28.027.151
Chi phí lãi vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản	-	1.343.750
Lỗ CLTG đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	6.385.977
Khoản tiền truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	141.232.305	-
Chi phí vận chuyển tài sản	11.960.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	52.823.753	30.000.000
Cổ tức	-	30.000.000
Lãi CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu năm nay	46.437.776	-
Lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước chuyển sang	6.385.977	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (3) = (1)+(2a)-(2b)	16.066.835.580	28.047.304.636
Thuế suất thuế TNDN (4)	25%	
Thu nhập chịu thuế của hoạt động giảm thuế (3a)	-	17.337.285.484
Thu nhập chịu thuế của hoạt động không được giảm thuế (3b)	-	10.710.019.152
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động giảm thuế (5) = (3a)*25%	-	4.334.321.371
Thuế TNDN được giảm (6) = (5)*30%	-	1.300.296.411
Thuế TNDN còn phải nộp (7) = (5)-(6)	-	3.034.024.960
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động không được giảm thuế (8) = (3b)*25%	-	2.677.504.788
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (9)	431.396.413	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (10) = (3)+(4)+(9)</b>	<b>4.448.105.308</b>	<b>5.711.529.748</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.160.975.253	167.289.635.035
Chi phí nhân công	26.622.537.330	22.232.651.559
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.332.167.482	6.626.836.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.355.268.742	2.550.311.509
Chi phí khác bằng tiền	8.148.546.074	8.152.625.386
<b>Cộng</b>	<b>238.619.494.881</b>	<b>206.852.060.328</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	11.518.361.720	19.838.052.419
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2)	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2)</b>	<b>11.518.361.720</b>	<b>19.838.052.419</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (4)	1.300.000	1.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)</b>	<b>8.860</b>	<b>15.260</b>

**29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<i>Giao dịch với bên liên quan</i>	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội</b>		
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán khăn	661.200.799	13.103.476.166
Bù trừ nợ vay	-	707.926.856
Bù trừ công nợ phải trả	661.200.799	9.843.496.107
Tiền bán khăn đã trả	-	5.000.000.000
<b>Mua nguyên vật liệu</b>		
Mua nguyên vật liệu	23.773.588.907	17.037.703.362
Bù trừ lãi vay	1.349.054.855	3.569.521.675
Bù trừ công nợ phải thu	661.200.799	9.843.496.107
Tiền mua nguyên vật liệu đã trả	17.113.465.300	3.624.685.580
Bù trừ công nợ với tiền đi đời	2.062.862.735	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
<b>Cho vay</b>		
Gốc vay	-	40.000.000.000
Lãi vay phải thu	1.196.467.330	3.722.109.200
Bù trừ lãi vay với công nợ phải trả	2.062.862.735	3.569.521.675
Nhận tiền gốc vay	33.202.088.708	-
Bù trừ gốc cho vay với tiền vay ngắn hạn	947.009.711	-
Bù trừ gốc cho vay với tiền vay dài hạn	3.788.038.846	-
Bù trừ lãi vay phải thu với công nợ phải trả	1.349.054.855	-
<b>Nợ dài hạn</b>		
Chuyển nợ dài hạn sang nợ ngắn hạn, nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.894.019.423
Thanh toán tiền vay đến hạn và dài hạn	5.682.058.269	-
<b>Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam</b>		
Góp vốn	2.900.000.000	1.000.000.000
Phải thu khác - tiền hỗ trợ hoạt động	28.920.000.000	-
Bán tài sản cố định	3.937.658.282	-
Thu tiền bán tài sản cố định	3.937.658.282	-
<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2013</u> <u>VND</u>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội</b>		
Vốn góp	5.573.180.000	5.573.180.000
Phải thu tiền bán khân	-	-
Cho vay	-	-
Gốc vay	-	40.152.587.525
Lãi vay	-	40.000.000.000
Nợ dài hạn	-	152.587.325
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	3.788.038.846
Nợ dài hạn	-	1.894.019.423
<b>Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam</b>		
Góp vốn	12.000.000.000	9.100.000.000
Phải thu khác - tiền hỗ trợ hoạt động	28.920.000.000	-

KẾ TÍNH TOÁN  
KHOẢN MỤC  
CHÍNH SÁCH  
1412739

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

	Năm 2013 VND
Hội đồng quản trị	144.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	144.000.000
Các khoản khác	-
Ban Giám đốc	918.279.393
Lương	831.022.075
Thưởng	87.257.318
<b>Cộng</b>	<b>1.062.279.393</b>

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2013 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.353.870.899	31.845.809.255
Phải thu khách hàng	12.561.246.709	10.477.799.321
Các khoản phải thu khác	29.152.169.794	316.749.766
<b>Cộng</b>	<b>95.067.287.402</b>	<b>42.640.358.342</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	18.923.787.488	9.569.095.718
Vay và nợ dài hạn	8.463.858.000	6.519.103.846
Phải trả người bán	11.507.330.235	9.228.529.511
Các khoản phải trả khác	84.502.465	85.675.828
<b>Cộng</b>	<b>38.979.478.188</b>	<b>25.402.404.903</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính	20.949.613.418	10.224.931.010
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.061.331.030	2.463.741.873
Phải thu khách hàng	9.888.282.388	7.761.189.137
Các khoản phải thu khác	-	-
Nợ tài chính	24.164.065.988	8.467.396.295
Vay và nợ ngắn hạn	15.891.292.988	7.218.496.295
Vay và nợ dài hạn	8.272.773.000	1.248.900.000
<b>(Nợ)/ Tài sản tài chính thuần</b>	<b>(3.214.452.570)</b>	<b>1.757.534.715</b>
Cộng: cam kết mua ngoại tệ	-	-
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	-
<b>Mức độ rủi ro tiền tệ</b>	<b>(3.214.452.570)</b>	<b>1.757.534.715</b>

- *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31/12/2013, lãi suất của các khoản vay trung và dài hạn bằng Đô la Mỹ đã được cố định ở mức 6%/năm cho tới ngày thanh toán, do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

**Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá**

**Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá**

	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
Quá hạn hơn 90 ngày	80.000.000	80.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>80.000.000</u></b>	<b><u>80.000.000</u></b>

(\*): Là giá trị tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) và Công ty đã phòng ngừa rủi ro này bằng cách trích lập dự phòng phải thu theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các đồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 đến 2 năm</u> <u>VND</u>
<b>Tại 31/12/2013</b>		
Vay và nợ	18.923.787.488	8.463.858.000
Phải trả người bán	11.507.330.235	-
Các khoản phải trả khác	84.502.465	-
<b>Cộng</b>	<b><u>30.515.620.188</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Tại 01/01/2013</b>		
Vay và nợ	9.569.095.718	6.519.103.846
Phải trả người bán	9.228.529.511	-
Các khoản phải trả khác	84.502.465	-
<b>Cộng</b>	<b><u>18.882.127.694</u></b>	<b><u>6.519.103.846</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃU SỐ B 09 - DN

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng và được điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

	Trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND
<b>Khoản mục trên Bảng cân đối kế toán</b>			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (thuế thu nhập doanh nghiệp)	3.055.795.190	826.532.325	3.882.327.515
Chi phí phải trả	61.701.486	64.193.870.700	64.255.572.186
Phải trả dài hạn khác	67.500.000.000	(67.500.000.000)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.838.052.419	2.479.596.975	22.317.649.394
<b>Khoản mục trên Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
Thu nhập khác	61.381.818	48.100.000.000	48.161.381.818
Chi phí khác	6.430.345	44.793.870.700	44.800.301.045
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.884.997.423	826.532.325	5.711.529.748
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.838.052.419	2.479.596.975	22.317.649.394

Người lập biểu

Phạm Thị Thủy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Lệ Hằng

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đặng Thái Hưng